TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 20 - 6 - 2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Thọ
Ông Nguyễn Danh Thắng
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Công. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T .

Ngày 20 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2018/TLST/HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị M ; Sinh năm 1992. Có mặt
Trú tại: Xóm 6 xã X , huyện T , tỉnh T .
2. Bị đơn: Anh Phùng Đình T ; Sinh năm 1990. Có mặt.
Trú tại: Thôn K xã X , huyện T, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa Nguyên đơn là chị Hoàng Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị M và anh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn vào ngày 28/4/2014 tại UBND xã X , huyện T , tỉnh T . Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 10/2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T .

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phùng Hoàng Hà M , sinh ngày 30/8/2014. Hiện nay con chung đang ở với chị M . Chị M yêu cầu

nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn là anh Phùng Đình T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T và chị M tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn vào ngày 28/4/2014 tại UBND xã X , huyện T , tỉnh T . Sau khi cưới vợ chồng chung sống ở xã X đến tháng 9/2015 thì chuyển vào Đ làm việc và sinh sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T đi làm ngoài H thì chị M bế con về sinh sống cùng bố mẹ đẻ, anh T có bảo chị M về nhưng chỉ được thời gian ngắn chị M lại bỏ về nhà ngoại. Tháng 3/2018 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị M cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phùng Hoàng Hà M , sinh ngày 30/8/2014. Hiện nay con chung đang ở với chị M . Anh T yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị M và anh Phùng Đình T là hôn nhân hợp pháp tại vì anh chị đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc trong thời gian 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay. Cả hai anh chị đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn. HĐXX xét thấy cuộc hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa hai anh chị là phù hợp.

[2].Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phùng Hoàng Hà M , sinh ngày 30/8/2014. Hiện nay con chung đang ở với chị M . HĐXX xét thấy cả hai anh chị đều có nguyện vọng nuôi con chung nhưng con chung đang còn nhỏ cần được sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ nhiều hơn. Mặt khác kể từ ngày anh chị sống ly thân thì con chung ở với chị M có cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt, chị M có công việc và thu nhập ổn định với mức lương 5.000.000đ/tháng đủ điều

kiện nuôi con chung nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu của chị M về mức cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng thì thấy rằng: Anh T có công việc và thu nhập ổn định với mức lương 7.000.000đ nên buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đ theo yêu cầu của chị M là phù hợp theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định tại điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí DSST, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về hôn nhân: Căn cứ vào điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị M và anh Phùng Đình T .

Về con chung: Căn cứ vào khoản 2 điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Giao con chung là cháu Phùng Hoàng Hà M , sinh ngày 30/8/2014 cho chị Hoàng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Buộc anh Phùng Đình T cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 6/2018 cho đến khi con chung thành niên. Anh Phùng Đình T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5; Điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc chị Hoàng Thị M phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2016/0000883 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Thọ Xuân.

Buộc anh Phùng Đình T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ.

Các đương sự được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND huyện Thọ Xuân
- Các ĐS
- UBND xã X , huyện T , tỉnh T .
- Thi hành án DS huyện Thọ Xuân
- Lưu HS vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng